

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## TRỞ LẠI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TIẾNG VIỆT TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

HỒNG DÂN  
(Tp Hồ Chí Minh)

Trong toàn bộ những nội dung của giáo dục ngôn ngữ ở nước ta hiện nay, thì giáo dục tiếng Việt cho học sinh người Việt ở bậc phổ thông có tầm quan trọng hàng đầu. Điều đó hiển nhiên đến độ không mấy ai thấy cần phải thảo luận, phải tranh cãi, phải biện minh. Vấn đề, chính là đang nằm ở khâu hiện thực hoá cái “có tầm quan trọng hàng đầu” ấy.

Liên quan tới vấn đề này, trong một báo cáo khoa học cách đây hơn 5 năm, chúng tôi có nêu nhận xét:

“Sự thực là hiện nay chúng ta chưa có hay nói nhẹ hơn là thiếu chiến lược giáo dục tiếng Việt ở nhà trường phổ thông. Mà thiếu chiến lược là thiếu tư tưởng chỉ đạo, thiếu kế hoạch và biện pháp có tính toàn diện lâu dài, thiếu nền tảng để xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung môn học. Điều này thể hiện rõ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH 10 của Quốc Hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đối với môn tiếng Việt.

Một là chúng ta không có một tổ chức và những con người đủ năng lực và trình độ mang tính chuyên nghiệp chăm lo nghiên cứu sâu những vấn đề đặt ra cho bộ môn tiếng Việt ở nhà trường phổ thông, đặc biệt là những vấn đề thuộc phạm vi chiến lược giáo dục ngôn ngữ nói chung, giáo dục tiếng Việt nói riêng.

Hai là chúng ta ứng xử với việc xây dựng chương trình và viết sách giáo khoa, những việc cực kì hệ trọng, theo kiểu thời vụ, “nước đến chân mới nhảy”. Mặc dù những tác giả của chương trình và sách giáo khoa là những nhà khoa học, nhà giáo có trình độ cao, giàu tâm huyết, nhưng công việc này đối với họ là việc làm thêm, ngoài nhiệm vụ chính, lại chỉ trong thời gian dăm bảy tháng (có khi dăm ba tháng) phải hoàn thành một chương trình, một bộ sách, thì cũng khó đạt chất lượng như mong muốn.

Ba là chương trình không được thiết kế theo lối xuyên suốt từ lớp đầu đến lớp cuối của bậc phổ thông mà lại cắt thành từng khúc, khúc tiểu học, khúc trung học cơ sở, khúc trung học phổ thông, thiếu cái nhìn toàn cục đối với một môn học (phải chăng chịu sự chi phối của các “dự án” trong cách chi tiền?).<sup>(1)</sup>

Bây giờ đọc lại, chúng tôi vẫn thấy những nhận xét đó là xác đáng, còn nguyên giá trị, mang đậm tính thời sự. Ở đây, xin được nói

---

<sup>(1)</sup> Hồng Dân – Từ sách giáo khoa tiếng Việt 1 ... (trong: Hội ngôn ngữ học TP.Hồ Chí Minh và Viện nghiên cứu giáo dục – Hội thảo khoa học: *Những vấn đề về sách giáo khoa môn tiếng Việt tiểu học 2000*, TP.Hồ Chí Minh ngày 20/5/2003, trang 10-11).

thêm về điểm thứ ba. Cần ghi nhận rằng Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 05 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) là một bước tiến nhất định trong thiết kế chương trình theo lối xuyên suốt. Tuy nhiên, chương trình đó chỉ mới dừng lại ở việc đáp ứng đòi hỏi của Luật giáo dục (2005) chứ chưa chứng tỏ một sự đổi mới cần có trong nhận thức về chiến lược giáo dục tiếng Việt, chưa phải là chương trình mang tính tổng hợp từ chương trình xuyên suốt của ba phân môn Văn, Tiếng Việt, Làm văn. Trên thực chất, chương trình đó về cơ bản là sao chép lại chương trình hoặc mục lục sách giáo khoa tiểu học, trung học cơ sở (đã sử dụng đại trà) và trung học phổ thông (đang thí điểm) thời điểm ấy, tức là vẫn ghép các khúc khác nhau lại theo kiểu “khắc nhập khắc nhập” quen thuộc. Hơn nữa, chương trình đó ra đời lại không nhằm mục đích làm căn cứ để viết sách giáo khoa mà chỉ “làm căn cứ cho việc quản lí, chỉ đạo và tổ chức dạy học tại tất cả các trường trên phạm vi cả nước”<sup>(2)</sup>. Một chương trình được xây dựng và ban hành với một mục đích hạn chế như vậy khó có sức thỏa mãn những yêu cầu của chiến lược giáo dục Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông.

Môn tiếng Việt (ở tiểu học) và phần tiếng Việt trong môn Ngữ văn (ở trung học cơ sở và trung học phổ thông) thể hiện qua sách giáo khoa mới, đến năm học này (2008-2009) đang được dạy và học ở tất cả các lớp, từ lớp 1 đến lớp 12, bậc giáo dục phổ thông. Như vậy, có thể xem lúc này là thời điểm thích hợp để chúng ta nhìn lại một cách khách quan, khoa

học những vấn đề về giáo dục tiếng Việt trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 ngày 9 tháng 12 năm 2000 của Quốc hội khóa X, kì họp thứ tám về đổi mới giáo dục phổ thông. Nhưng như trình bày ở trên, hiện nay chúng ta đang thiếu chiến lược giáo dục tiếng Việt ở nhà trường phổ thông. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta không có căn cứ thống nhất để đánh giá phần tiếng Việt trong chương trình và sách giáo khoa hiện hành. Vì vậy, rất cần thiết phải xác lập những tiêu chí làm căn cứ cho sự đánh giá đó.

Thiết nghĩ, trong việc xây dựng chiến lược giáo dục tiếng Việt ở nhà trường phổ thông, việc xác định mục tiêu và nội dung môn học có vị thế đặc biệt trọng yếu. Mà muốn xác định mục tiêu và nội dung môn học này, cần xử lí đúng đắn ba mối tương quan: thứ nhất, tương quan giữa cung cấp kiến thức (lí thuyết) về tiếng Việt với rèn luyện năng lực tiếng Việt; thứ hai, tương quan giữa rèn luyện năng lực tiếng Việt theo kênh chữ với rèn luyện năng lực tiếng Việt theo kênh lời; thứ ba, tương quan giữa rèn luyện năng lực chủ động về tiếng Việt với rèn luyện năng lực thụ động về tiếng Việt.

Trong chiến lược giáo dục tiếng Việt ở nhà trường phổ thông, khi xử lí mối tương quan thứ nhất, phải đặt việc rèn luyện năng lực tiếng Việt vào vị thế quan trọng đặc biệt, có tính chất chi phối. Nói một cách khác, rèn luyện cho học sinh có các kĩ năng sử dụng thành thạo tiếng Việt phải là mục tiêu số một, có vai trò quyết định đối với việc xây dựng chương trình và thiết kế nội dung môn học trong sách giáo khoa. Còn việc cung cấp những kiến thức lí thuyết về tiếng Việt chỉ nên dừng lại ở mức tối thiểu mà một người đạt trình độ học vấn phổ thông cần phải có, vừa đủ để làm chỗ dựa

<sup>(2)</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo - *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục, 2006, tr.3.

khoa học cho việc rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt một cách có ý thức. Chương trình và sách giáo khoa cải cách giáo dục môn tiếng Việt cuối thế kỉ trước quá thiên về truyền thụ kiến thức lí thuyết nên thường bị phê phán là nặng tính “kinh viện”, “hàn lâm”. Điều đáng lưu ý ở đây là trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn công bố năm 2006, mục tiêu số một của môn học này vẫn được xác định là “cung cấp cho học sinh những kiến thức phổ thông, cơ bản, hiện đại, có tính hệ thống về ngôn ngữ (trọng tâm là tiếng Việt)”<sup>(3)</sup>. Từ mục tiêu đó, nội dung chương trình phần tiếng Việt được thể hiện trong sách giáo khoa thành nhiều bài mang tính chất ngôn ngữ học và Việt ngữ học, trong khi những nội dung liên quan tới rèn luyện năng lực tiếng Việt thì không được quy định rõ ràng. Chính đây là duyên cớ để dư luận (kể cả người dạy và người học) phê bình chương trình “nặng”, “quá tải”. Tuy nhiên cũng cần ghi nhận rằng các tác giả sách giáo khoa mới có ý thức vận dụng uyển chuyển nội dung được chương trình quy định khiến phần kiến thức lí thuyết nhẹ đi, phần luyện tập năng lực tiếng Việt được tăng cường.

Đối với mối tương quan thứ hai, cần nhận thức đầy đủ rằng rèn luyện năng lực tiếng Việt theo kênh chữ phải giữ vai trò chủ đạo trong nhà trường phổ thông. Như mọi người đều biết, năng lực ngôn ngữ theo kênh lời hoàn toàn có khả năng hình thành và phát triển trong đời sống xã hội hằng ngày, không cần đến nhà trường. Một người bình thường, không bao giờ đến trường, vẫn có thể nói rất tốt, nghe rất tốt, có thể trở thành nhà thơ nhà văn dân gian, người sử dụng thành thạo ngôn ngữ theo kênh

lời. Trái lại, để có được năng lực ngôn ngữ theo kênh chữ, phải cần đến nhà trường, cần đến người dạy, phải đi học. Người Trung Quốc gọi đi học là “đọc thư” (đọc sách), người Việt Nam nhìn nhận ai học nhiều đồ đạt cao là “hay chữ” (Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy). Quả vậy, chỉ có nhà trường mới đảm nhận chức năng đặc thù rèn luyện năng lực ngôn ngữ theo kênh chữ cho người học. Nói như vậy không phải là phủ nhận vai trò của nhà trường trong việc rèn luyện năng lực ngôn ngữ theo kênh lời. Nói như vậy cốt nhằm vạch ra rằng trong nhà trường, việc rèn luyện năng lực ngôn ngữ theo kênh lời có vị thế thứ yếu. *Chương trình tiếng Việt tiểu học 2000* là chương trình dùng để biên soạn sách giáo khoa mới, được đưa vào dạy và học đại trà từ năm 2002 – 2003 đến nay, xác định mục tiêu của môn học như sau:

“Môn tiếng Việt ở trường tiểu học nhằm:

1. Hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi”.

Trong mục tiêu trên đây, nghe và nói đứng trước đọc và viết, tức là năng lực ngôn ngữ theo kênh lời được coi là quan trọng hơn năng lực ngôn ngữ theo kênh chữ. Nếu dạy tiếng Việt với tư cách là một ngoại ngữ cho người nước ngoài thì mục tiêu được định ra như thế có thể phù hợp. Nhưng ở trường tiểu học nước ta, chúng ta dạy tiếng Việt cho trẻ em bản ngữ, từ khi vào lớp 1, các em đã biết giao tiếp bằng kênh lời, chỉ thiếu các kĩ năng giao tiếp bằng kênh chữ. Xác định sai mục tiêu ắt dẫn tới chọn giải pháp thiếu thỏa đáng cho nội dung bài học trong sách giáo khoa, chẳng hạn chọn chữ e làm nội dung bài học đầu tiên cho lớp 1 (trong khi Hội truyền bá Quốc ngữ – một tổ

<sup>(3)</sup> Tài liệu đã dẫn, tr.5.

chức do Đảng lãnh đạo - đã chọn chữ i làm chữ học đầu tiên, từ năm 1938, một giải pháp đúng đắn, phát huy hiệu quả có tính lịch sử trong công cuộc thanh toán nạn mù chữ sau Cách mạng tháng Tám 1945). Có lẽ do nhận ra sai lầm đó mà *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn – 2006* đã điều chỉnh: kỹ năng đọc và viết được đưa lên trước kỹ năng nghe và nói, nhưng tiếc rằng sự điều chỉnh ấy không phát huy tác dụng đối với sách giáo khoa, vì sách được biên soạn hoàn chỉnh trước khi chương trình này ra đời.

Về tương quan thứ ba, cần khẳng định dứt khoát rằng trong mục tiêu của môn học, rèn luyện năng lực chủ động về tiếng Việt phải được coi trọng hơn rèn luyện năng lực thụ động. Năng lực chủ động về ngôn ngữ, cũng còn gọi là năng lực tích cực, gồm hai kỹ năng viết và nói, là năng lực sáng tạo, năng lực sản sinh ra văn bản (viết và nói). Rèn luyện năng lực này cũng có nghĩa là rèn luyện năng lực suy nghĩ, năng lực tư duy. Đứng ở bất kỳ góc độ nào (giáo dục học, tâm lý học, ngôn ngữ học), bằng một hiểu biết sơ đẳng, đều thấy nhà trường phải dành trọng tâm cho việc giáo dục năng lực chủ động, tích cực. Trong giáo dục tiếng Việt cũng vậy. Khẳng định điều đó không hề có ý bỏ qua việc giáo dục những kỹ năng đọc và nghe, những kỹ năng mang tính thụ động, tiêu cực. Vấn đề là ở chỗ trong *Chương trình tiếng Việt tiểu học -2000*, kỹ năng nghe được xếp trên kỹ năng nói, kỹ năng đọc được xếp trên kỹ năng viết, cũng tương tự như vậy, trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn - 2006*, thì kỹ năng đọc được đặt trước kỹ năng viết, kỹ năng nghe được đặt trước kỹ năng nói. Điều đó cho thấy trong quan niệm của những người xây dựng chương trình, rèn luyện năng lực thụ động về tiếng Việt được đề

cao hơn rèn luyện năng lực chủ động về tiếng Việt. Cách xử lý này chắc chắn có ảnh hưởng không tốt đến việc xác định nội dung môn học.

Như đã thấy từ đầu, bài viết này lấy nhan đề là *Trở lại vấn đề giáo dục tiếng Việt trong trường phổ thông*. “Trở lại”, vì chuyện giáo dục tiếng Việt là câu chuyện rất xưa, rất quen thuộc, bàn luận đã nhiều, tương tự như chuyện thực phẩm, chuyện môi trường... Những chuyện như thế, nếu gác lại thì thôi, chứ gọi ra thì bao giờ cũng lăm ý kiến, cũng tốn nhiều giấy mực. Bởi lâu nay chúng ta thường ứng xử với những vấn đề ấy theo kinh nghiệm, theo nếp cũ. Để giải quyết những vấn đề này, cần có cách nhìn mới, cách làm mới.

1. Cần đặt chiến lược giáo dục tiếng Việt vào trong chiến lược chấn hưng giáo dục, chiến lược phát triển con người. Nền giáo dục Việt Nam nhất thiết phải đào tạo ra những con người Việt Nam biết sử dụng thành thạo tiếng Việt, cụ thể là phải biết viết và nói đúng tiếng Việt.

2. Cần có một tổ chức mang tính chuyên nghiệp, vừa am hiểu khoa học ngôn ngữ, vừa am hiểu khoa học giáo dục để chăm lo sự nghiệp giáo dục tiếng Việt trong trường phổ thông, tổ chức đó vừa biết huy động lực lượng các nhà khoa học và nhà sư phạm hữu quan tham gia, vừa biết tham khảo đầy đủ cách xử lý của các nước khác trong việc giáo dục tiếng mẹ đẻ.

3. Cần xã hội hóa và dân chủ hóa công tác thiết kế chương trình và viết sách giáo khoa. Đã đến lúc phải nghĩ đến việc tổ chức thi thiết kế chương trình và từ chương trình được xác định cần viết nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau cho nhà trường lựa chọn.

Chắc chắn trong dăm ba năm nữa lại bắt đầu một chu kỳ mới trong sự đổi mới giáo dục

phổ thông. Ngay từ bây giờ phải khởi động một cách căn cơ, chu đáo, toàn diện những khâu liên quan tới giáo dục tiếng Việt cho chu kỳ đổi mới đó.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 12-01-2009)